

# THÀNH CHÂU SA - CỔ LŨY VÀ QUAN HỆ CHĂMPA - SRIVIJAYA

NGÔ VĂN DOANH\*

**T**rong những năm đầu tiên di điều tra nghiên cứu các di tích văn hoá cổ Chăm-pa (từ ngay sau năm 1975), vì một số lý do khách quan, hầu như không một lần nào tôi dừng lại ở vùng đất Quảng Ngãi. Trước hết là vì, theo những khảo cứu của các nhà khoa học người Pháp, tại Quảng Ngãi hầu như không còn lại một di tích đền tháp nào, ngay những phế tích cũng còn rất ít. Chỉ một địa danh của Quảng Ngãi hay được nhắc tới trong các công trình nghiên cứu về nghệ thuật Chăm-pa là Chánh Lộ vì một số tác phẩm điêu khắc đá lớn và đẹp tiêu biểu cho một phong cách- phong cách Chánh Lộ - đã được tìm thấy ở đây và đã được đưa về trưng bày tại Bảo tàng Đà Nẵng (nay là Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng). Lý do thứ hai là vì, khi đó hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định được hợp vào thành tỉnh Nghĩa Bình với thủ phủ là Quy Nhơn, mà Bình Định lại là nơi còn lưu giữ được rất nhiều những di tích cổ Chăm-pa. Chỉ đến giữa những năm 80 (trong những năm 1986-1988), chúng tôi (tôi và TS. Lê Đình Phụng) mới có điều kiện đến nghiên cứu các dấu tích cổ Chăm-pa tại khu vực của tỉnh Quảng Ngãi bây giờ (tỉnh Quảng Ngãi trở lại đơn vị hành chính cũ từ ngày 1-7-1989). Mà, chúng tôi lên Quảng Ngãi

cũng vì một lý do rất tình cờ. Giữa năm 1987, khi còn dang di điều tra nghiên cứu khu vực thành Đồ Bàn xưa (thuộc huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định), chúng tôi được đưa đến Thị xã Quảng Ngãi để phụ trách cuộc đào khảo cổ để giải phóng mặt bằng tại Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi. Trong khi đào khảo cổ, chúng tôi có điều tra xung quanh và nhận thấy nơi chúng tôi đào là một di tích đền tháp Chăm-pa rất lớn. Trước đây, khi xây dựng bệnh viện, người ta đã đào được khá nhiều những tác phẩm điêu khắc đá lớn và để nằm rải rác đây đó trong khuôn viên bệnh viện. Trước ngày giải phóng năm 1975, những pho tượng đó đã bị đưa đi đâu mất. Mặc dầu vậy, khi đấy, chúng tôi còn thấy một vài mảnh bia ký và một số mảnh điêu khắc đá. Và, nhiều đất đá của khu vực bệnh viện đã được đem đổ ra khu vực sân vận động Quảng Ngãi. Sau khi điều tra kỹ địa bàn xung quanh, chúng tôi hết sức vui vì nơi mình đang đào khảo cổ chính là di tích Chánh Lộ (cái tên Chánh Lộ đã không còn được dùng ở đây từ khá lâu rồi) mà các nhà nghiên cứu Pháp đã phát hiện ra từ hồi đầu thế kỷ XX (1).

Nhân dịp đào ở Chánh Lộ, chúng tôi quyết định di điều tra nghiên cứu thành Châu Sa của Chăm-pa nằm ở vùng Tả ngạn

---

\*PGS-TS. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

và Hạ lưu sông Trà Khúc (thành còn có tên là Thành Hời, nằm ở xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh, cách Thị xã Quảng Ngãi chừng 8km. Về phía Đông - Bắc). Những gì mà chúng tôi thấy được khi đó hầu như không khác mô tả của H. Parmentier là mấy: Thành hình chữ nhật, gần vuông, theo hướng Bắc - Nam (dài 580m, rộng 540m). Bốn phía tường thành mở bốn cửa chính giữa; Tường thành đắp đất (hiện cao 4m đến 6m, chân thành rộng 20-25m, mặt thành rộng 5-8m). Bốn góc thành hiện còn bốn ụ đất cao (có thể là dấu tích các chòi canh). Quanh thành là hào nước rộng 20-25m (2). Sau này, tôi còn ghé qua thành Châu Sa nhiều lần nữa và cứ thêm mỗi lần đến đây, tôi lại càng nhận thấy vị trí quan trọng của tòa thành này đối với miền Bắc Champa trong một thời gian khá dài. Trong công trình "Giữ gìn những kiệt tác kiến trúc trong nền văn hoá Chăm" in năm 2000, chúng tôi đã nhận xét: "...Châu Sa cùng với Chánh Lộ là một chỉnh thể di tích quan trọng (kiểu như Trà Kiệu và Mỹ Sơn) của Champa tại địa phận tỉnh Quảng Ngãi" (3). Và, càng ngày, những di tích và di vật cổ Champa quanh khu vực thành Châu Sa càng được phát hiện nhiều thêm. Trong số những phát hiện mới, đáng lưu ý và có ý nghĩa lớn đối với việc tìm hiểu đời sống xưa của cư dân Champa tại khu vực thành Châu Sa là di tích lò gốm Núi Chồi ở thôn Kim Lộ, xã Tịnh Châu, huyện Sơn Tịnh. Qua những dấu tích được phát lộ ra sau cuộc khai quật, các nhà khảo cổ học nhận thấy lò nung được khoét vào sườn đồi, tường lò xếp bằng đá. Sản phẩm gốm tìm thấy trong lò là những tấm đất nung nhỏ có những hình thể hiện các nội dung Phật giáo (4). Không chỉ ở quanh thành Châu Sa, mà ở quanh khu vực đồng bằng cửa sông Trà Khúc, cũng đã phát hiện ra một số di tích tôn giáo và dân sự quan trọng

thời Champa: Khu tháp Khánh Vân ở xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, các dấu tích tường thành lũy Cổ Lũy, thành Hòn Yàng và thành Bàn Cờ ở xã Nghĩa Phú, huyện Tư Nghĩa, ngay gần cửa biển bên Hữu ngạn sông Trà Khúc (bên Tả ngạn là khu vực thành Châu Sa) (5).

Không chỉ các hiện vật khảo cổ mà những tư liệu lịch sử cũng cho biết vị thế quan trọng của vùng đất Quảng Ngãi xưa đối với lịch sử Champa. Các nguồn sử liệu cho biết, Quảng Ngãi cùng với Quảng Nam xưa hợp thành vùng đất Amaravati của Champa. Vùng đất này, trong suốt nhiều thế kỷ là trái tim của vương quốc cổ Champa, nơi mà Kinh đô Trà Kiệu và khu đền thờ nổi tiếng Mỹ Sơn được dựng lên. Trong vùng hay châu Amaravati, theo các sử liệu Việt Nam, có hai khu vực là Chiêm Động hay Đại Chiêm (nay là tỉnh Quảng Nam) và Cổ Lũy hay Chiêm Lũy (nay là tỉnh Quảng Ngãi) (6). Các tài liệu thư tịch cổ của Trung Quốc và Việt Nam ghi khá rõ về lịch sử vùng đất phía Nam Amaravati này của Champa. Sách *Đại Nam nhất thống chí* (q.8) của Quốc sử quán triều Nguyễn, phần tỉnh Quảng Ngãi, có đoạn chép: "Xưa là đất Việt Thường thị; đời Tần thuộc Tượng Quận; đời Hán là bờ cõi quận Nhật Nam; đời Đường thuộc Lâm Ấp; đời Tống là đất Cổ Lũy của Chiêm Thành". Cũng sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết tiếp: "Nước ta nhà nhuận Hồ lấy đất này đặt hai châu Tư và Nghĩa; thời thuộc Minh, đất này thuộc phủ Thăng Hoa, nhưng đất vẫn bị Chiêm Thành chiếm cứ. Đầu đời Lê gọi là Nam Giới, cũng là đất ki mi. Đời Hồng Đức, vua Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, lấy lại đất này đặt làm phủ Tư Nghĩa..." (7). Trong *Dư địa chí*, Nguyễn Trãi ghi về vùng đất Nam Giới như sau: "Nam Giới xưa là nơi nội bạn của châu Bắc Cảnh thuộc bộ Việt Thường. Thời nội

thuộc bị Chiêm lấy mất, chia làm Chiêm Chiêm, Chiêm Lũy” (8). Như vậy là, như các sử liệu cho biết, suốt từ đầu thế kỷ VII đến cuối thế kỷ XV (cụ thể là năm 1471, năm vua Lê Thánh Tông đánh chiếm Chiêm Thành), vùng đất Quảng Ngãi là Cổ Lũy động thuộc châu Amaravati của Champa. Từ năm 1402, đất này thuộc về nhà Hồ đặt thành hai châu Tư và Nghĩa và đưa người Việt tới cùng người Chiêm khai phá đất đai, nhưng đến năm 1407, nhân nhà Minh đem quân diệt nhà Hồ, vua Champa chiếm lại Chiêm Động và Cổ Lũy. Chỉ từ sau năm 1471, đất Cổ Lũy mới thực sự trở thành vùng đất mới thu phục được của triều đình nhà Lê: Phủ Tư Nghĩa thuộc thừa tuyên (tương đương cấp tỉnh) Quảng Nam. Dần dần, vùng đất Tư Nghĩa (từ năm 1602 là phủ Quảng Nghĩa, rồi phủ Hòa Nghĩa thời Tây Sơn, trấn Quảng Nghĩa thời Gia Long, tỉnh Quảng Ngãi từ thời Minh Mệnh...) ngày một trở nên phồn thịnh. Phan Huy Chú đã mô tả sự trù phú và phồn vinh của vùng đất này: “phủ Tư Nghĩa ở giữa trấn Quảng Nam. Về mạn thượng du, núi kéo ngang liền nhau; mạn dưới giáp biển lớn, khoảng giữa địa thế rộng thoáng. Khi Thái tổ hoàng đế gây dựng cơ đồ, đổi làm Quảng Nghĩa. Ba huyện của cải giàu thịnh, thóc lúa không biết đâu mà kể, vàng bạc, gỗ, châu báu, trầm hương, tốc hương đều rất quý, rất tốt. Voi ngựa cũng nuôi rất nhiều. Lại có đảo lớn đảo nhỏ ở ngoài biển, cảnh vật tốt đẹp, những vật lạ đều ở đây cả” (9). Mà, không ít những địa điểm của Quảng Ngãi từ lâu đã trở thành những danh thắng của đất nước Việt Nam, trong số đó có sông Trà Khúc (năm Tự Đức thứ 3 được liệt vào hàng sông lớn ghi vào điển thờ), sông Vệ (năm Minh Mệnh đúc cữu đỉnh, được khắc hình tượng vào Dụ đỉnh). Và, cả hai con sông nổi tiếng này cùng đổ ra Tấn Đại Cổ Lũy, mà ở đó có

một địa danh đã trở thành “Mười cảnh Quảng Ngãi” - “Cổ Lũy cô thôn”. Về khu vực này, *Đại Nam nhất thống chí* mô tả “Tấn Đại Cổ Lũy: ... cửa biển rộng 230 trượng, thủy triều lên sâu 14 thước, thủy triều xuống sâu 10 thước, phía Nam là cửa biển lớn, nước sâu, cạn, tàu thuyền ra vào đều do đây; phía Bắc là cửa biển nhỏ, tàu thuyền không thông... Lại thôn Cổ Lũy, phía Đông Bắc dựa ven bờ biển, phía Tây Nam giáp là chỗ giao lưu của sông Vệ và sông Trà, cách xa làng xóm, trông như ở trong khói nước lờ mờ, là một trong “Mười cảnh Quảng Ngãi” đề là “Cổ lũy cô thôn”. Dân địa phương làm nghề dệt chiếu và đánh cá” (10).

Không phải ngẫu nhiên mà khu vực đồng bằng ven biển tỉnh Quảng Ngãi lại trở nên phồn thịnh khi người Việt vào khai phá. Tất nhiên, yếu tố con người là quan trọng, mà những người dân Việt ở đây đã được khắc họa: “dân chăm, tính tần tiện không xa hoa, người quân tử thích việc nghĩa, giữ khí tiết... Địa thế tuy hẹp mà khí mạch tốt, nên đời nào cũng có người làm đến quan to chức trọng...” (11). Thế nhưng để làm cho một vùng đất phát triển, không thể không có những yếu tố của địa lý và thiên nhiên, mà vùng đất Quảng Ngãi thì nổi tiếng từ xưa là “đất đều gần sông, đất nước tốt lành, đồng điền rộng rãi, cao mà bằng... cũng gọi là Tiểu Động Nai” (12). Còn khoa học hiện nay thì cho thấy, đồng bằng Quảng Ngãi là đồng bằng rộng nhất vùng Trung Trung Bộ (đồng bằng Quảng Bình và Quảng Trị: mỗi đồng bằng khoảng trên 500km<sup>2</sup>, đồng bằng Thừa Thiên: hơn 900km<sup>2</sup>, đồng bằng Quảng Nam: trên 1000km<sup>2</sup>; trong khi đó, đồng bằng Quảng Ngãi rộng tới 1200km<sup>2</sup> (13). Do vậy, chắc chắn một điều là, vùng đất Quảng Ngãi đã có một vị trí không phải là nhỏ đối với vương quốc cổ Champa nói chung và đối với

vùng trung tâm phía Bắc Amaravati của đất nước này nói riêng. Không phải ngẫu nhiên mà, sau khi lấy được Chiêm Động và động Cổ Lũy và “chia đất ấy làm bốn châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa”, Hồ Hán Thương phải cho một người Chăm là Hiệu chính hầu Chế Ma-nô-dà-nan, con của Chế Bồng Nga “làm Cổ Lũy huyện thượng hầu, trấn giữ châu Tư-Nghĩa, chiêu vỗ dân chúng người Chiêm...” (14). Còn, không chịu để mất hai tỉnh có đồng ruộng phì nhiêu và đẹp nhất (tức Chiêm Động và Cổ Lũy), vua Chiêm là Jaya Simhavarman V (tức Ba Đích Lai) đã tìm mọi cách để lấy lại hai tỉnh đã mất ấy.

Như vậy là, các tài liệu khảo cổ học và sử học đã cho biết, từ trước năm 1471, vùng đất Quảng Ngãi là tỉnh Chiêm Lũy hay Cổ Lũy thuộc châu Amaravati của Champa. Cũng các tài liệu khảo cổ và lịch sử cho biết, thành Châu Sa là di tích dân sự lớn nhất của Champa có mặt trong vùng đất này. Quyển 8 của *Đại Nam nhất thống chí* có chép về toà thành Châu Sa: “Thành cổ Châu Sa ở xã Châu Sa huyện Bình Sơn. Chu vi hơn 5 mẫu 5 sào. Tương truyền có hai thuyết: một thuyết nói là thành đại la của nước Chiêm Thành; có thuyết nói là vệ thành của Tam ti đời Lê” (15). Còn những hiện vật khảo cổ thì khẳng định Châu Sa chính là toà thành cổ của Champa. Một trong những hiện vật có giá trị lịch sử của thành Châu Sa là bia ký Châu Sa khác năm 903. Bài minh được khắc lên bốn mặt của tấm bia đá tìm thấy ở Châu Sa. Theo nghiên cứu của các nhà khoa học, mặt trước của tấm bia có 21 dòng, nhưng, ngoài lời cầu khẩn ra, thì hầu như toàn bộ 15 dòng còn lại là không thể đọc được. Trong dòng thứ ba có khắc tên của vua SriJayaIndravarman, và ở dòng thứ năm là những cái tên của hai vị chức sắc Po Klun Pimilis và Danay Pinan là có thể đọc được.

Dòng thứ bảy cho biết, vào năm 815 saka (tức năm 893), một vị chức sắc dâng cúng cho linga có tên là Indradeva để tỏ lòng tôn kính đối với vua Indravarman. Dòng mười ba nói tới vua Sri Jaya Simhavarman. Từ dòng mười sáu trở xuống có thể đọc được. Nội dung của đoạn minh văn này nói về việc vị chức sắc trên cho dựng một linga khác có tên là Sri Sankaresa vào năm 825 (tức năm 903) và về việc dâng cúng của vua cho vị thần này. Mặt sau của tấm bia hoàn toàn không còn. Hai mặt bên của bia Châu Sa, là những mô tả bằng chữ Chăm về các đất đai dâng cúng cho ngôi đền. Đoạn đọc được của bài minh viết: “Vào năm Saka “pancadvikaya”(năm 825 saka), vị thần Sankaresa lại được ông ta cho dựng lên ở thế giới này. Vua Sri Jaya Simhavarman dâng cúng cho Sri Sankara cái vỏ ốc biển và một chiếc bình bạc. Người em gái Surendradevi của ông, vợ của vua Sri Jaya Simhavarman, là người giản dị và trong sáng” (16).

Bia Châu Sa không chỉ có niên đại cụ thể (năm 903) mà còn có những thông tin về hai vị vua đầu tiên của vương triều Indrapura (875- 982) là Indravarman II và Jaya Simhavarman. Vị vua đầu Indravarman II, sau khi được triều đình Champa (khi đó là vương triều Panduranga phía Nam) chọn, đã rời đô từ phía Nam (vùng Panduranga) ra Bắc và dùng tên mình đặt cho đô thành mới: Indrapura. Dưới thời trị vì của Indravarman II, Champa trở nên mạnh và có những quan hệ rộng rãi với các nước trong khu vực. Đặc biệt, bắt đầu từ vị vua Indravarman II, Phật giáo trở nên hưng thịnh ở Champa. Khi Indravarman mất, người cháu của ông là Jaya Simhavarman lên ngôi vua Champa. Như thời vua trước, dưới thời trị vì của Jaya Simhavarman, đất nước Champa vẫn hưng thịnh và tiếp tục có những quan hệ rộng

với bên ngoài. Đặc biệt, các tài liệu bia ký cho biết, dưới thời Jaya Simhavarman, có một nhân vật tên là Po Khun Pilih Rajadvara đã hành hương đến các thánh địa ở vùng đảo Java (Yavadvipa). Và, vào thời gian đó, một sứ giả của Srivijaya đã tới triều đình Champa (17).

Với bia ký Châu Sa, có thể thấy, thành Châu Sa ít nhất là đã xuất hiện và tồn tại trong thời vương triều Indrapura (875-982). Mà, không chỉ bia Châu Sa, những phát hiện khảo cổ học gần đây cũng chứng minh cho sự cổ xưa cũng như những quan hệ rộng rãi với nước ngoài của toà thành Châu Sa. Đó là phát hiện lò gốm cùng các tấm đất nung mang các hình ảnh liên quan tới Phật giáo ở Núi Chồi vào đầu những năm 1990. Tháng 8 năm 2000 và tháng 5 năm 2004, chúng tôi đã đến nghiên cứu di tích và những di vật Phật giáo ở Núi Chồi. Sau khi tìm hiểu và nghiên cứu kỹ, chúng tôi nhận thấy, các tác phẩm đất nung Phật giáo ở Núi Chồi được làm từ một khuôn và có kích thước đồng loạt (cao 6,5cm, rộng 4cm, dày 1cm) và có hình như một cánh sen dài nhọn đầu. Bên trong hình cánh sen, nổi lên sáu hình người nằm ở hai phần (trên và dưới). Phần trên (chiếm 1/3 chiều cao hình cánh sen) có ba hình Phật ngồi thiền định trên đài sen với hai tay để trước bụng và có vòng hào quang phía sau đầu. Trong phần dưới (chiếm 2/3 chiều cao) thể hiện đức Phật ngồi giữa hai nhân vật nào đó đứng hai bên. Phật ngồi trên một cái ngai, buông hai chân thông xuống. Đức Phật ở đây, cũng như ba hình Phật ngồi ở phía trên, mặc loại áo trong suốt để hở vai phải và có vòng hào quang phía sau đầu. Trên đỉnh đầu đức Phật, nhô lên cái u sọ thiêng (usnisa) tròn. Hai bên đức Phật là hai hình người đứng trên bệ sen. Cả hai người đều được thể hiện như nhau: đội mũ cao ba tầng, mặc áo choàng trong suốt, phía sau

đầu có vòng hào quang, hai tay làm động tác như dang dăng một vật gì đó. Hai người đứng trong tư thế uyển chuyển và đối xứng nhau qua hình đức Phật ở giữa. Trong một bài viết trước đây, sau khi đã phân tích và nghiên cứu kỹ, chúng tôi đã có những nhận xét bước đầu về những tiểu phẩm Phật giáo đất nung Núi Chồi. Theo chúng tôi, các hiện vật đất nung của Núi Chồi rất giống (cả về hình dáng, kích thước và các nhân vật được thể hiện) với những hình đất nung có nguồn gốc từ khu đền Chaya (miền Nam Thái Lan) được trưng bày tại Bảo tàng Quốc gia Thái Lan ở Băng Cốc. Mà, theo các nhà nghiên cứu, ngôi đền Chaya là đền thờ thế kỷ X của nhà nước cổ đại Srivijaya (thế kỷ VII-XIII). Điều lý thú và rất có ý nghĩa nữa là, theo các nhà nghiên cứu, ngôi đền Chaya của Srivijaya là ngôi đền có nhiều nét giống với các ngôi tháp Champa thời Panduranga (phong cách Hòa Lai, đầu thế kỷ IX) (18). Cũng như các hình của Chaya, những hình ảnh trên các hiện vật đất nung Núi Chồi thể hiện hình ảnh mà trong kinh sách gọi là "điều kỳ diệu kép" của Phật. Bằng nghiên cứu so sánh, chúng tôi đi đến kết luận: "Các tiểu phẩm Phật giáo bằng đất nung ở Núi Chồi có niên đại thế kỷ X". Trong bài viết đã công bố, tôi có nói, sở dĩ có được kết luận trên là nhờ trong lần công tác Thái Lan năm 2000, tôi có vào xem Bảo tàng Quốc gia Băng Cốc (19). Có thể nói, phát hiện về sự giống nhau kỳ lạ giữa những tiểu phẩm đất nung Núi Chồi với những hiện vật cùng kiểu của Srivijaya khiến tôi rất bất ngờ, vì đây là những bằng chứng vật chất lần đầu tiên phát hiện cho thấy Champa và Srivijaya (Tam Phật Tề), một trung tâm Phật giáo Đại thừa lớn nhất phương Đông thời bấy giờ, đã có những mối quan hệ qua lại thực sự. Theo suy nghĩ của chúng tôi, những phát hiện ở Núi Chồi đã góp thêm những bằng chứng về mối quan

hệ gắn gũi giữa Chămpa và thế giới Đông Nam Á hải đảo thời cổ mà các bia ký Chămpa thỉnh thoảng lại nhắc tới. Và như trên đã nói, ngay ở thời trị vì của vương triều Phật giáo Đồng Dương, theo bia ký Nhan Biểu năm 911 của vua Indravarman III, vị đại quan tên là Po Klun Pilih Rajadvara “theo lệnh vua, đã đến kinh đô của Yavadvipa” (20).

Srivijaya là một vương quốc cổ ở Đông Nam Á tồn tại vào khoảng thời gian từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIII và có phạm vi thống trị trải khắp đảo Sumatra, bán đảo Mã Lai và Nam Thái Lan. Tôn giáo chính của vương quốc này là Phật giáo Đại thừa. Trong suốt thời gian tồn tại của mình, Srivijaya đã từng là một trung tâm Phật giáo lớn thu hút nhiều nhà sư và tăng đoàn từ các nước theo Phật giáo hành hương tới các thánh tích hoặc tới để trau dồi kinh sách. Cuối thế kỷ VII, trên đường đi Ấn Độ, nhà sư Nghĩa Tịnh của Trung Quốc đã dừng chân ở lại Srivijaya 6 tháng để học tiếng Phạn. Nhà sư Trung Quốc đã viết về thành Phật Tích của Srivijaya, nơi ông từng ở: “Trong thành có trên 1.000 nhà sư chuyên cần nghiên cứu và làm việc thiện. Tại đây, giáo pháp và nghi lễ cũng giống như ở Ấn Độ. Một nhà sư Trung Quốc muốn sang Tây Trúc để nghe giảng và đọc những bản kinh gốc, thì tốt hơn là nên lưu lại Phật Tích một, hai năm để thực hành giáo pháp”. Sau mười năm học tại Đại học Phật giáo Nalanda (Ấn Độ), trên đường về lại Trung Quốc, Nghĩa Tịnh đã dừng lại lần thứ hai tại Phật Tích bốn năm để chép và dịch ra tiếng Trung những bản kinh bằng chữ Phạn (21).

Trong thời gian tồn tại và hưng thịnh, đế chế Srivijaya đã để lại không ít những công trình kiến trúc và những tác phẩm nghệ thuật Phật giáo có giá trị. Trong

những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc Phật giáo Srivijaya (hay phong cách nghệ thuật Phật giáo Srivijaya) còn mang đậm những ảnh hưởng của nghệ thuật Gupta và Pala Sena của Ấn Độ với những hình khối nuột nà và tinh tế của thân hình và vẻ đẹp rực rỡ phong phú của trang phục, trang sức. Nơi còn lưu giữ nhiều công trình kiến trúc và điêu khắc Srivijaya là Chaya. Một trong những kiến trúc tôn giáo điển hình của Srivijaya ở Chaya là Pra Barom That. Một kiến trúc quan trọng khác nữa của nghệ thuật Srivijaya ở Chaya là đền Vat Keo. Theo các nhà nghiên cứu, hình dáng và trang trí kiến trúc của Vat Keo giống các tháp Chămpa thế kỷ IX ở Việt Nam. Cũng tại Vat Keo, đã phát hiện ra một pho tượng bằng sa thạch hồng rất gần với nghệ thuật điêu khắc Chăm thế kỷ X (22). Trước đây, khi viết giới thiệu về các phong cách nghệ thuật trong lịch sử Thái Lan, tôi có đề cập tới mối quan hệ nghệ thuật Chămpa và Srivijaya và đã nhận thấy đây là một vấn đề khoa học lý thú (23). Giờ đây, những phát hiện ở Châu Sa càng làm cho vấn đề quan hệ giữa Chămpa và Srivijaya càng trở nên rõ hơn và có cơ sở hơn.

Những hiện vật Núi Chồi cùng những sự kiện lịch sử về vị đại quan Rajadvara của vương triều Indrapura hai lần hành hương tới các thánh tích ở vùng đảo Java đã chứng tỏ mối quan hệ mật thiết giữa vương quốc cổ Chămpa với đế chế biển hùng mạnh và giàu có Srivijaya ở Đông Nam Á vào thế kỷ IX-X. Mà, cho đến nay được biết, thì nơi duy nhất mang những bằng chứng vật chất về mối quan hệ Chămpa - Srivijaya là thành cổ Châu Sa ở Quảng Ngãi. Chắc hẳn, trong những thế kỷ sau thế kỷ X, mối quan hệ Chămpa - Srivijaya vẫn còn duy trì, mà, bằng chứng là, như đã dẫn ở trên, vào năm 992, sứ giả của Srivijaya đã đến triều đình Chămpa.

Như vậy, những tài liệu thư tịch, bia ký và khảo cổ đã cho thấy, dưới thời trị vì của vương triều Indrapura, thành Châu Sa đã là một trung tâm hành chính, kinh tế và văn hóa của một trong hai tỉnh trù phú và đẹp nhất thuộc châu Amaravati của Champa - tỉnh Chiêm Lũy (hay Cổ Lũy). Các tài liệu lịch sử và khảo cổ còn chứng tỏ tòa thành cổ này không chỉ được sự lưu tâm của các vua vương triều Indrapura mà

còn là một trong những địa điểm quan trọng thông thương với các nước trong khu vực từ những thế kỷ IX-X. Thế nhưng, từ đầu thế kỷ XV, hoàn cảnh lịch sử đã làm cho vùng đất Cổ Lũy cùng thành Châu Sa mất dần vai trò xưa đối với lịch sử và văn hóa của Champa. Và, cuối cùng, từ năm 1471, cả tỉnh Chiêm Lũy cùng thành Châu Sa đã hòa nhập vào lãnh thổ của nước Đại Việt, đất nước của nhiều dân tộc anh em.

### CHÚ THÍCH

(1). H. Parmentier, *Inventaire Descriptif des Monuments Chams de L Annam*. T.1. Paris, 1909, tr. 225 và các trang tiếp.

(2). Lê Đình Phụng, *Thành Châu Sa*, trong "Những phát hiện mới về khảo cổ học", 1988, tr. 198-199.

(3). Lưu Trần Tiêu, Ngô Văn Doanh, Nguyễn Quốc Hùng, *Giữ gìn những kiệt tác kiến trúc trong nền văn hóa Chăm*. Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2000, tr. 150.

(4). Đoàn Trọng Khôi, *Đào thám sát lò nung các tiểu phẩm Phật giáo bằng đất nung của Champa*, Thông tin khoa học công nghệ môi trường Quảng Ngãi, tháng 3 năm 1998, tr. 21-23.

(5). *Quảng Ngãi. Đất nước, con người, văn hóa*, Sở Văn hóa Thông tin Quảng Ngãi, 1997, tr. 110-115.

(6). *Đại Nam nhất thống chí*. Nxb. Thuận Hóa, T.2, 1997, tr. 402. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, T.1. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 164-165.

(7), (10), (11), (15). *Đại Nam nhất thống chí*, sdd. tr. 402, 433, 406, 429.

(8). Nguyễn Trãi, *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 235.

(9). Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, sdd. tr. 166.

(12). Lê Quý Đôn, Toàn tập, tập 1: *Phủ biên tạp lục*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 119.

(13). Theo Lê Bá Thảo, *Việt Nam, lãnh thổ và các vùng địa lý*. Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1998, tr. 398- 401.

(14). Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*, (bản dịch tiếng Việt), T.2. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967, tr. 212.

(16), (20). R. C. Majumdar, *Inscriptions of Champa*, Delhi, 1985, tr. 109-111. 134.

(17). G. Coedes, *Les états hindouise d Indochine et d Indonesie*, Paris, 1964, tr.245.

(18). M. Subhadradis Diskul, *Art in Thailand, a Brief History*, Bangkok, 1981, tr.10.

(19). Ngô Văn Doanh, *Về những hiện vật bằng đất nung của Champa ở Núi Chối, Quảng Ngãi*, Xưa-Nay, số 81- tháng 11, năm 2000, tr.27.

(21). Dẫn theo: Kenneth R. Hall, *Maritime Trade and State Development in Early Southeast Asia*, University of Hawaii Press, Honolulu, 1985, tr. 78-102. Chúng tôi (Ngô Văn Doanh) đã dành cả một chương viết về Srivijaya trong cuốn sách "Indônêxia, những chặng đường lịch sử" (Nxb. Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 1995).

(22). M. Subhadradis Diskul, *Art in Thailand...* sdd. tr. 10-12. Ngô Văn Doanh, *Từ điển văn hóa Đông Nam Á*. Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1999, tr. 419-420.

(23). Ngô Văn Doanh, Cao Xuân Phổ, Trần Thị Lý, *Nghệ thuật Đông Nam Á*, Nxb. Lao Động, Hà Nội, 2000, tr. 236-239.